

**CÔNG TY CỔ PHẦN
GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng chọn lọc	10 – 29



CÔNG TY CP GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Xuân Giang	Chủ tịch
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên
Ông Bùi Ngọc Loan	Thành viên
Ông Trần Công Thành	Thành viên
Ông Lương Ngọc Bảo	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Dương Minh Châu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Xuân Giang	Tổng Giám đốc
Ông Trần Công Thành	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

13524
 NG T
 PHẢ
 HẬN V
 I THU
 A-TP

CÔNG TY CP GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Giang
Tổng Giám đốc

TP. Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2017



Số: 18.119/BCSX-RSM HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 08 năm 2017, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem trang tiếp theo)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 08 năm 2017

Như đã trình bày tại mục 2.5 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

12
C
C
GIAO
NGI
CÔNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		569.965.781.077	395.663.400.470
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	13.956.064.158	27.812.447.308
1. Tiền	111		13.956.064.158	17.812.447.308
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		9.525.000.000	9.525.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	4.2	9.525.000.000	9.525.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		546.484.716.919	358.325.953.162
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	73.684.845.384	60.630.924.731
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	30.392.828.574	25.708.652.925
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	150.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	443.631.118.086	273.092.823.902
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(1.224.075.125)	(1.256.448.396)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		74.165.410.826	74.993.287.495
I. Tài sản cố định	220		60.675.868.803	61.302.833.984
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	59.171.314.592	59.691.357.043
Nguyên giá	222		102.557.446.331	99.075.340.856
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43.386.131.739)	(39.383.983.813)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	1.504.554.211	1.611.476.941
Nguyên giá	228		3.398.338.786	3.398.338.786
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.893.784.575)	(1.786.861.845)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.291.746.660	1.291.746.660
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.291.746.660	1.291.746.660
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		12.000.000.000	12.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	4.2	12.000.000.000	12.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		197.795.363	398.706.851
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		197.795.363	398.706.851
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		644.131.191.903	470.656.687.965

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		511.705.159.904	337.448.069.887
I. Nợ ngắn hạn	310		439.597.400.265	265.360.684.843
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	98.861.877.090	104.774.157.863
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		447.857.026	521.266.644
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	2.165.881.511	2.542.856.277
4. Phải trả người lao động	314		-	189.607.054
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.11	4.491.308.219	1.072.726.027
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.12	81.872.741.967	22.104.170.832
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.13	251.757.734.452	134.155.900.146
II. Nợ dài hạn	330		72.107.759.639	72.087.385.044
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.13	554.160.000	672.912.000
2. Trái phiếu chuyển đổi	339	4.14	71.553.599.639	71.414.473.044
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		132.426.031.999	133.208.618.078
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.15	132.426.031.999	133.208.618.078
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.852.900.000	85.852.900.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		85.852.900.000	85.852.900.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.379.300.000	2.379.300.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		585.526.956	585.526.956
4. Cổ phiếu quỹ	415		(817.208.082)	(817.208.082)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.400.293.842	9.400.293.842
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		9.000.000.000	8.000.000.000
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.025.219.283	27.807.805.362
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		25.601.693.362	14.874.758.073
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		423.525.921	12.933.047.289
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		644.131.191.903	470.656.687.965



Nguyễn Xuân Giang
Tổng giám đốc

TP. Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2017

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Ngô Thị Thu Hiền
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.17	232.036.368.414	219.665.884.164
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		232.036.368.414	219.665.884.164
3. Giá vốn hàng bán	11	4.18	213.587.313.316	196.516.717.931
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.449.055.098	23.149.166.233
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.19	1.533.514.352	1.542.115.911
6. Chi phí tài chính	22	4.20	8.685.909.643	4.604.665.697
Trong đó, chi phí lãi vay	23		8.240.072.478	4.147.731.588
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.21	10.151.272.238	9.862.832.314
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.145.387.569	10.223.784.133
9. Thu nhập khác	31		87.453.292	371.490.355
10. Chi phí khác	32		164.857.594	-
11. Lợi nhuận khác	40		(77.404.302)	371.490.355
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.067.983.267	10.595.274.488
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.23	644.457.346	2.026.588.499
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		423.525.921	8.568.685.989



Nguyễn Xuân Giang
Tổng giám đốc
TP. Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2017

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Ngô Thị Thu Hiền
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.067.983.267	10.595.274.488
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4.109.070.656	3.931.954.628
Các khoản dự phòng	03		(16.709.738)	(167.473.346)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		15.959.453	278.375.720
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(790.424.327)	(621.050.457)
Chi phí lãi vay	06		8.240.072.478	4.147.731.588
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		12.625.951.789	18.164.812.621
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(88.161.654.543)	9.070.190.362
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		52.916.274.216	(25.892.291.698)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		200.911.488	228.555.765
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.682.363.691)	(4.147.731.588)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(1.070.135.724)	(1.956.454.142)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.391.111.112)	(413.966.669)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(31.562.127.577)	(4.946.885.349)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(568.561.909)	(1.564.400.489)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	109.090.908
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(100.000.000.000)	(6.000.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		790.424.327	511.959.549
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(99.778.137.582)	(6.943.350.032)

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.24	308.716.505.039	161.923.580.163
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.25	(191.233.422.733)	(138.130.729.431)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		-	(7.895.776.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		117.483.082.306	15.897.074.432
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50		(13.857.182.853)	4.006.839.051
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		27.812.447.308	6.922.778.784
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		799.703	(27.620.317)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70	4.1	13.956.064.158	10.901.997.518



Nguyễn Xuân Giang
Tổng giám đốc

TP. Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2017

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Ngô Thị Thu Hiền
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là chi nhánh Hà Nội của Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 30 tháng 12 năm 2002, Chi nhánh được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103002086 ngày 07 tháng 04 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 30 tháng 07 năm 2015.

Ngày 07 tháng 08 năm 2009 Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Quyết định số 38/2009/GCNCP-TTLK ngày 07 tháng 08 năm 2009 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Ngày 10 tháng 08 năm 2009, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 42/GCN-SGDHN ngày 10 tháng 08 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần đây nhất là 85.852.900.000 VND. Đây cũng là vốn thực góp của các nhà đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/01/2017	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Vinafreight	Việt Nam	19.800.000.000	23,06	19.800.000.000	23,06
Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam (Vinatrans)	Việt Nam	9.000.000.000	10,48	9.000.000.000	10,48
Các đối tượng khác		57.052.900.000	66,45	57.052.900.000	66,45
Cộng		85.852.900.000	100	85.852.900.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 272 nhân viên (31 tháng 12 năm 2016 là: 281).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Giao nhận, tiếp vận.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Bốc xếp hàng hóa: xếp hàng hóa hoặc hành lý của khách hàng lên tàu biển hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ tàu biển, bốc vác hàng hóa tại cảng biển;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải:
 - + Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- + Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước;
 - + Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài;
 - + Đại lý tàu biển;
 - + Kinh doanh vận tải hàng hoá đa phương thức;
 - + Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bao bì, kiểm kiện hàng hoá xuất nhập khẩu);
- Đại lý, môi giới, đấu giá: môi giới hàng hải;
 - Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp: kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại;
 - Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo, trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hóa;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi;
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ:
 - + Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh;
 - + Kinh doanh các dịch vụ về vận tải hàng xuất nhập khẩu;
 - + Vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải;
 - + Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2016.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	297.996.555	5.341.019.171
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.658.067.603	12.471.428.137
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
Cộng	13.956.064.158	27.812.447.308

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CP GIAO NHẬN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2017 VND			Tại ngày 01/01/2017 VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư cổ phiếu:						
Cổ phiếu Công ty CP Logistics Vinalink	6.900.000.000	10.919.664.000	-	6.900.000.000	12.638.500.000	-
Cổ phiếu Công ty CP Vinafreight	2.625.000.000	10.500.000.000	-	2.625.000.000	9.065.000.000	-
Cộng	9.525.000.000	21.419.664.000	-	9.525.000.000	21.703.500.000	-

(*) Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Logistics Vinalink và Công ty CP Vinafreight trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2017 VND			Tại ngày 01/01/2017 VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con: Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành	12.000.000.000	(**)	-	12.000.000.000	(**)	-

(**) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH JI Logistics Việt Nam	7.473.355.568	-
Công ty TNHH SIK Việt Nam	1.174.415.198	2.183.606.628
Các khách hàng khác	63.973.281.195	58.441.814.898
Phải thu khách hàng là bên liên quan – Xem thêm mục 4.26	1.063.793.423	5.503.205
Cộng	<u>73.684.845.384</u>	<u>60.630.924.731</u>

Phải thu từ các khách hàng khác có số dư chiếm tỷ trọng dưới 10% tổng phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Trả trước cho người bán:		
Regional Container Lines Public Company	4.586.210.598	4.702.113.566
Các nhà cung cấp khác	1.201.457.026	994.430.829
Trả trước cho người bán là bên liên quan – Xem thêm mục 4.26	24.605.160.950	20.012.108.530
Cộng	<u>30.392.828.574</u>	<u>25.708.652.925</u>

(Xem trang tiếp theo)

0135:
ÔNG
CỔ PH
NHẬN
ĐẠI TH
ĐA-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.5. Phải thu khác ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đặt cọc mua cổ phần (*)	340.000.000.000	-	240.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ (**)	66.000.000.000	-	16.000.000.000	-
Tạm ứng cho nhân viên Cho Công ty CP Cảng Mipec mượn	21.977.117.088	-	13.968.787.405	-
Tạm ứng thu nhập theo kế hoạch cho người lao động	5.700.000.000	-	-	-
4.886.229.866	-	-	-	-
Phải thu khác	4.003.319.820	-	2.596.399.145	-
Tạm ứng cho bên liên quan – Xem thêm mục 4.26	1.064.451.312	-	527.637.352	-
Cộng	443.631.118.086	-	273.092.823.902	-

(*) Khoản đặt cọc cho Công ty Cổ phần Hóa Dầu Quân Đội với số tiền là 340.000.000.000 VND để mua lại 90% cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng Mipec. Khoản đặt cọc này được bảo lãnh bởi Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) theo Thư bảo lãnh sửa đổi lần 5 số 049300361500219, số 019300361500223 và Thư bảo lãnh sửa đổi lần 1 số 049300361600492, được ký cùng ngày 30 tháng 03 năm 2017; Thư bảo lãnh số 049300361700150 ký ngày 31 tháng 05 năm 2017. Đến ngày 30 tháng 06 năm 2017, giao dịch mua lại cổ phần Công ty Cổ phần Cảng Mipec vẫn chưa hoàn tất.

(**) Chi tiết các khoản ký cược, ký quỹ như sau:

- Khoản ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Sở giao dịch 1 để bảo lãnh phát hành trái phiếu chuyển đổi cho Công ty Mitsui Wharf với số tiền 20.000.000.000 VND – Xem thêm mục 4.14.
- Khoản ký quỹ cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội với số tiền 10.000.000.000 VND – Xem thêm mục 4.13.
- Khoản ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân với số tiền 36.000.000.000 VND để bảo lãnh thanh toán phát hành trái phiếu thường – Xem thêm mục 4.13.

(Xem trang tiếp theo)

2856
 TY
 AN
 VẬN
 TƯ
 TP. H

CÔNG TY CP GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 2 Bích Châu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
		Thời gian quá hạn		Thời gian quá hạn
Công ty TNHH MTV Chế tạo Thiết bị và Đóng tàu Hải Phòng	1.115.620.730	-	1.115.620.730	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	153.953.547	45.499.152	218.124.094	Trên 3 năm
				Từ 6 tháng đến trên 3 năm
Cộng	1.269.574.277	45.499.152	1.333.744.824	77.296.428

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CP GIAO NHẬN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND		Máy móc, thiết bị VND		Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND		Thiết bị, dụng cụ quản lý VND		Tài sản cố định hữu hình khác VND		Cộng VND
Nguyên giá:											
Tại ngày 01/01/2017	50.103.788.241	8.638.992.273	38.951.707.255	581.483.087	799.370.000						99.075.340.856
Mua trong kỳ	-	1.263.470.909	-	33.635.454	-						1.297.106.363
Tăng chi phí lãi vay vốn hóa theo biến bản thanh tra Thuế	2.134.685.198	50.313.914	-	-	-						2.184.999.112
Tại ngày 30/06/2017	52.238.473.439	9.952.777.096	38.951.707.255	615.118.541	799.370.000						102.557.446.331
Giá trị hao mòn lũy kế:											
Tại ngày 01/01/2017	8.434.762.692	3.608.571.051	26.260.131.486	569.806.671	510.711.913						39.383.983.813
Khấu hao trong kỳ	1.397.213.574	464.230.165	2.029.429.247	11.353.688	99.921.252						4.002.147.926
Tại ngày 30/06/2017	9.831.976.266	4.072.801.216	28.289.560.733	581.160.359	610.633.165						43.386.131.739
Giá trị còn lại:											
Tại ngày 01/01/2017	41.669.025.549	5.030.421.222	12.691.575.769	11.676.416	288.658.087						59.691.357.043
Tại ngày 30/06/2017	42.406.497.173	5.879.975.880	10.662.146.522	33.958.182	188.736.835						59.171.314.592

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2017 của phương tiện vận tải với số tiền là 1.169.802.002 VND đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.13.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 13.668.310.746 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng VND
	VND	VND	
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2017	2.642.410.677	755.928.109	3.398.338.786
Tại ngày 30/06/2017	2.642.410.677	755.928.109	3.398.338.786
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2017	1.291.701.558	495.160.287	1.786.861.845
Khấu hao trong kỳ	62.426.070	44.496.660	106.922.730
Tại ngày 30/06/2017	1.354.127.628	539.656.947	1.893.784.575
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2017	1.350.709.119	260.767.822	1.611.476.941
Tại ngày 30/06/2017	1.288.283.049	216.271.162	1.504.554.211

Giá trị còn lại của Quyền sử dụng đất với số tiền là 746.418.960 VND đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.13.

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán:				
Regional Container Lines Public Co.,	38.352.225.391	38.352.225.391	37.506.165.375	37.506.165.375
Phải trả cho các đối tượng khác	50.845.228.845	50.845.228.845	56.044.405.922	56.044.405.922
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.26	9.664.422.854	9.664.422.854	11.223.586.566	11.223.586.566
Cộng	98.861.877.090	98.861.877.090	104.774.157.863	104.774.157.863



CÔNG TY CP GIAO NHẬN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNGĐịa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2017		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2017	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Phải nộp VND	Đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	859.285.868	3.353.226.270	3.369.839.005	-	875.898.603
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	644.457.346	1.070.135.724	-	425.678.378
Thuế thu nhập cá nhân	-	237.494.966	2.265.383.389	2.221.780.391	-	193.891.968
Các loại thuế khác	-	1.069.100.677	6.034.092.311	6.012.378.962	-	1.047.387.328
Cộng	-	2.165.881.511	12.297.159.316	12.674.134.082	-	2.542.856.277

(Xem trang tiếp theo)

ĐA-1
1352
PHI
HẠN
THI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.11. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là chi phí lãi trích trước từ việc phát hành trái phiếu.

4.12. Phải trả khác ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Nhận tiền đặt cọc mua cổ phần Công ty CP Cảng Mipéc từ:		
Công ty TNHH MTV Đầu tư SCIC	51.750.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thơm	21.000.000.000	17.000.000.000
Bà Nguyễn Bích Ngọc	2.450.000.000	-
Bà Nguyễn Thanh Thủy	2.000.000.000	-
Nhận tiền đặt cọc cho thuê container lạnh	4.371.020.572	4.991.020.572
Các khoản phải trả, phải nộp khác	301.721.395	113.150.260
Cộng	81.872.741.967	22.104.170.832

(Xem trang tiếp theo)

858
TY
ẬN TẢI
CÔNG
P.H.A.

CÔNG TY CP GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.13. Vay và nợ thuê tài chính**

	Tại ngày 30/06/2017 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	171.757.734.452	171.757.734.452	228.835.257.039	191.233.422.733	134.155.900.146	134.155.900.146
Trái phiếu thường	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	-	-	-
Vay dài hạn	554.160.000	554.160.000	-	118.752.000	672.912.000	672.912.000
Tổng cộng	252.311.894.452	252.311.894.452	308.835.257.039	191.352.174.733	134.828.812.146	134.828.812.146

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CP GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 2 Bích Châu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Chi tiết các khoản vay còn số dư tại 30 tháng 06 năm 2017 như sau:

	Loại tiền	Hạn mức	Lãi suất (năm)	Tại ngày	
				30/06/2017	01/01/2017
				VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng và các tổ chức					
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt – CN Hải Phòng	VND	20.000.000.000	7,5%	54.862.025.992	29.932.007.417 (a)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	VND	50.000.000.000	7,5%	46.884.904.566	42.879.877.864 (b)
Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam	VND	-	8,5 - 9%	39.000.000.000	39.000.000.000 (c)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - CN Nam Hà Nội	VND	50.000.000.000	8%	24.773.299.894	22.106.510.865 (d)
Công ty TNHH Đầu tư phát triển thương mại Con Đường	VND	-	7%	6.000.000.000	- (e)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – CN Hải Phòng	VND	-	8,5%	237.504.000	237.504.000 (f)
Cộng				171.757.734.452	134.155.900.146
Trái phiếu thường					
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	-	7,5%	80.000.000.000	- (g)
Cộng				251.757.734.452	134.155.900.146
Vay dài hạn					
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – CN Hải Phòng	VND	-	8,5%	554.160.000	672.912.000 (f)
Tổng cộng				252.311.894.452	134.828.812.146

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thông tin về các tài sản đảm bảo, cầm cố thế chấp cho các khoản vay trên như sau:

- (a) Khoản vay được bảo đảm một phần bằng Sổ tiết kiệm số 478600 ngày 15 tháng 01 năm 2015 và số 502805 ngày 10 tháng 06 năm 2015 của ông Nguyễn Xuân Giang – Tổng Giám Đốc Công ty với mệnh giá lần lượt là 90.000 USD (tương đương 1.970.000.000 VND) và 2.500.000.000 VND. Hạn mức còn lại được vay tín chấp.
- (b) (e) Là các khoản vay tín chấp.
- (c) Khoản vay được bảo đảm một phần bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BB 245923 do Sở Tài nguyên & Môi trường Hải Phòng cấp ngày 06 tháng 04 năm 2010. Phần còn lại được vay tín chấp – Xem thêm mục 4.8.
- (d) Khoản vay được ký quỹ để bảo lãnh thanh toán tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương – CN Nam Hà Nội với số tiền 10.000.000.000 VND – Xem thêm mục 4.5.
- (f) Khoản vay được đảm bảo bằng 2 xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát lần lượt là: 15C-229.71 và 15C-229.63, mục đích vay là thanh toán tiền mua xe đầu kéo – Xem thêm mục 4.7.
- (g) Trái phiếu phát hành được bảo lãnh thanh toán bằng thư bảo lãnh của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân số 222.36.0000.80102 ngày 01 tháng 06 năm 2017 với số tiền 36.000.000.000 VND – Xem thêm mục 4.5.

4.14. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm đầu năm và cuối kỳ như sau:

- + Trái phiếu chuyển đổi của Công ty phát hành tại ngày 26 tháng 10 năm 2016 có thời hạn 2 năm kể từ ngày phát hành;
- + Số lượng từng loại trái phiếu chuyển đổi: 720.000 trái phiếu;
- + Mệnh giá: 100.000 VND/ trái phiếu;
- + Lãi suất phát hành trái phiếu: trái phiếu phát hành cho Công ty Misui Wharf Co., Ltd có lãi suất 8%/năm và trái phiếu phát hành cho Công ty TNHH MTV SCIC có lãi suất thả nổi được tính bằng lãi suất bình quân của các lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ giao động 2%; áp dụng trong kỳ kế toán này là 8,7%/năm;
- + Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu từng loại trái phiếu chuyển đổi: Tại thời điểm đáo hạn, mỗi trái phiếu sẽ được đổi thành 4 cổ phần;
- + Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng loại trái phiếu chuyển đổi: 8,7%/năm;
- + Giá trị phần nợ gốc tại thời điểm đầu năm là 71.414.473.044 VND và phần quyền chọn cổ phiếu của từng loại trái phiếu chuyển đổi là 585.526.956 VND;
- + Giá trị phần nợ gốc tại thời điểm đầu năm là 71.553.599.639 VND và phần quyền chọn cổ phiếu của từng loại trái phiếu chuyển đổi là 585.526.956 VND;
- + Khoản ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Sở giao dịch 1 để bảo lãnh phát hành trái phiếu chuyển đổi cho Công ty Mitsui Wharf với số tiền 20.000.000.000 VND – Xem thêm mục 4.5.

135
CÔNG
:Ổ PH
NHẬN
!ẠI TH
ĐA-

CÔNG TY CP GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.15. Vốn chủ sở hữu****4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND		
Số dư tại ngày 01/01/2016	85.852.900.000	2.379.300.000	-	(817.208.082)	45.624.243.551	133.039.235.469	
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	8.568.685.989	8.568.685.989	
Chia cổ tức bổ sung năm 2015	-	-	-	-	(8.529.890.000)	(8.529.890.000)	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(4.956.996.669)	(4.956.996.669)	
Số dư tại ngày 30/06/2016	85.852.900.000	2.379.300.000	-	(817.208.082)	40.706.042.871	128.121.034.789	
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	13.330.568.557	13.330.568.557	
Tăng quyền chọn trái phiếu chuyển đổi	-	-	585.526.956	-	-	585.526.956	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(298.622.224)	(298.622.224)	
Tạm ứng cổ tức năm 2016	-	-	-	-	(8.529.890.000)	(8.529.890.000)	
Số dư tại ngày 01/01/2017	85.852.900.000	2.379.300.000	585.526.956	(817.208.082)	45.208.099.204	133.208.618.078	
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	423.525.921	423.525.921	
Tăng lãi do tăng chi phí lãi vay vốn hóa theo biên bản thanh tra Thuế	-	-	-	-	2.184.999.112	2.184.999.112	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(3.391.111.112)	(3.391.111.112)	
Số dư tại ngày 30/06/2017	85.852.900.000	2.379.300.000	585.526.956	(817.208.082)	44.425.513.125	132.426.031.999	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.15.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Vốn góp của Công ty Cổ phần Vinafreight	19.800.000.000	19.800.000.000
Vốn góp của Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	9.000.000.000	9.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	57.052.900.000	57.052.900.000
Cộng	85.852.900.000	85.852.900.000

4.15.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	8.585.290	8.585.290
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	8.585.290	8.585.290
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	55.400	55.400
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	8.529.890	8.529.890

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.15.4. Cổ tức đã trả

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức đã trả trên tổng số cổ phiếu phổ thông	-	8.529.890.000

4.15.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2017	9.400.293.842	8.000.000.000
Trích trong kỳ	-	1.000.000.000
Tại ngày 30/06/2017	9.400.293.842	9.000.000.000

4.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
Ngoại tệ các loại:		
USD	14.344,59	139.194,00
EUR	398,17	6.627,24
SGD	680,86	398,09

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.17. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu cước vận chuyển quốc tế	147.338.327.991	115.523.189.372
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	84.698.040.423	104.142.694.792
Tổng cộng	232.036.368.414	219.665.884.164
Trong đó, doanh thu với bên liên quan – Xem thêm mục 4.26	11.016.972.754	8.321.209.708

4.18. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí cước	119.753.132.585	100.215.211.043
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.705.260.863	64.964.963.741
Chi phí nhân viên	19.241.615.770	21.244.971.028
Chi phí khấu hao	3.553.240.854	3.326.761.217
Chi phí khác	6.334.063.244	6.764.810.902
Cộng	213.587.313.316	196.516.717.931

4.19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi chênh lệch tỷ giá	743.090.025	1.030.156.362
Cổ tức, lợi nhuận được chia	579.432.000	491.932.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	210.992.327	20.027.549
Cộng	1.533.514.352	1.542.115.911

4.20. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	8.240.072.478	4.147.731.588
Lỗ chênh lệch tỷ giá	429.877.712	178.558.389
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	15.959.453	278.375.720
Cộng	8.685.909.643	4.604.665.697

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.21. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.210.893.496	4.092.683.113
Chi phí phát hành bảo lãnh thanh toán trái phiếu	1.975.541.667	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	555.829.802	605.193.411
Chi phí bằng tiền khác	4.425.717.011	5.332.429.136
Chi phí dự phòng	(16.709.738)	(167.473.346)
Cộng	10.151.272.238	9.862.832.314

4.22. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí cước	119.753.132.585	100.215.211.043
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.705.260.863	64.964.963.741
Chi phí nhân công	22.452.509.266	25.337.654.141
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.109.070.656	3.931.954.628
Chi phí khác bằng tiền	6.334.063.244	11.929.766.692
Cộng	223.738.585.554	206.379.550.245

4.23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	1.067.983.267	10.595.274.488
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	194.457.598	29.600.004
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(579.432.000)	(491.932.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	683.008.865	10.132.942.492
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập tính thuế kỳ hiện hành	181.899.604	2.026.588.499
Thuế TNDN bị truy thu	462.557.742	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập tính thuế kỳ hiện hành	644.457.346	2.026.588.499

Các khoản điều chỉnh tăng chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế.

Các khoản điều chỉnh giảm là các khoản cổ tức thu được từ đầu tư vào chứng khoán kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.24. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	308.716.505.039	161.923.580.163

4.25. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	191.233.422.733	138.130.729.431

4.26. Thông tin về các bên liên quan

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành	Công ty mẹ
2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành		
Phải thu khách hàng – Xem thêm mục 4.3	1.063.793.423	5.503.205
Trả trước cho người bán – Xem thêm mục 4.4	24.605.160.950	20.012.108.530
Phải trả người bán – Xem thêm mục 4.9	(9.664.422.854)	(11.223.586.566)

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tạm ứng:		
Ban Tổng Giám đốc – Xem thêm mục 4.5	1.064.451.312	527.637.352

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành		
Cung cấp dịch vụ – Xem thêm mục 4.17	11.016.972.754	8.321.209.708
Mua dịch vụ	2.385.641.644	3.929.098.887

Ngoài ra, Ông Nguyễn Xuân Giang – Tổng Giám đốc Công ty còn dùng sổ tiết kiệm thuộc sở hữu của mình có giá trị 4.470.000.000 VND để bảo đảm một phần cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 20.000.000.000 VND – Xem thêm mục 4.13.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao và thu nhập	733.333.336	836.000.000

4.27. Thu nhập Ban kiểm soát

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	13.333.333	11.111.110

4.28. Số liệu so sánh

Các số liệu dưới đây đã được báo cáo lại:

	Kỳ trước VND (Được phân loại lại)	Kỳ trước VND (Đã được phân loại trước đây)
Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:		
Chi phí cưỡng	100.215.211.043	100.215.211.043
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.964.963.741	64.964.963.741
Chi phí nhân công	25.337.654.141	25.337.654.141
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.931.954.628	3.931.954.628
Chi phí khác bằng tiền	11.929.766.692	16.534.432.389
Cộng	206.379.550.245	210.984.215.942

Việc phân loại lại các thông tin so sánh nêu trên để đảm bảo tính phù hợp của số liệu so sánh và bản chất của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng, việc phân loại lại sẽ cung cấp thông tin hữu ích hơn cho người đọc.

4.29. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Xuân Giang
Tổng giám đốc
TP. Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2017

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Ngô Thị Thu Hiền
Người lập